

THÊM MẤY SUY NGHĨ VỀ LÀNG TRANH VÀ DÒNG TRANH DÂN GIAN ĐÔNG HỒ

TS. TRẦN ĐÌNH TUẤN*

TÓM TẮT

Tranh Đông Hồ với nội dung phong phú, đa dạng, phù hợp tâm tư, nguyện vọng, tư tưởng và tình cảm của nhân dân lao động là một sản phẩm văn hóa nổi tiếng trong lịch sử của làng Đông Hồ (Bắc Ninh) nói riêng và của dân tộc nói chung. Đây là di sản vô cùng quý báu trong kho tàng nghệ thuật dân tộc và lịch sử mỹ thuật thế giới.

Từ khóa: tranh dân gian; tranh dân gian Đông Hồ; làng Đông Hồ.

ABSTRACT

Đông Hồ folk painting, rich and diversified contents, suitable with the sentiments and demands of people, is a famous cultural product of Đông Hồ village (Bắc Ninh province) in particular and the country in general. This is a precious treasure of national and international arts.

Key words: folk painting; Đông Hồ folk painting; Đông Hồ village.

1. Làng Đông Hồ (còn gọi là làng Mái) thuộc xã Song Hồ, huyện Thuận thành, tỉnh Bắc Ninh. Từ xa xưa, cho đến ngày nay, Đông Hồ được gần xa biết đến bởi nơi đây gắn với một dòng tranh dân gian nổi tiếng, dòng tranh mang tên mảnh đất này - Tranh dân gian Đông Hồ:

Hỡi cô thắt lưng bao xanh
Cố về làng Mái với anh thì về
Làng Mái có lịch có lễ
Cố ao tắm mát, cố nghề làm tranh

Tuy vậy, về vị thế địa lý - lịch sử của Đông Hồ, đặc biệt là sự xuất hiện của dòng tranh dân gian Đông Hồ, cho tới nay vẫn là một dấu hỏi chưa có lời giải đáp thỏa đáng. Trong bài viết này, chúng tôi muốn nhìn nhận vấn đề trên một phạm vi rộng hơn, hy vọng qua đó sẽ góp thêm chút ít hiểu biết về vùng đất này - vùng Hồ, nơi có làng Đông Hồ, cũng là nơi được nhiều người biết đến bởi những sản phẩm thủ công độc đáo, trong đó có dòng tranh dân gian Đông Hồ nổi tiếng.

2. Cũng như vùng Lim (thuộc đất Tiên Du - Bắc Ninh) là có thật, còn làng Lim gốc tích ở đâu thì cho đến nay vẫn khó xác định, vùng Hồ cũng có hàng

loạt địa danh liên quan đến tên gọi này, đó là xã Song Hồ và Tú Hồ, Bắc Hồ (xưa kia), là những làng gắn với danh Hồ: "Đông Hồ", "ấp Hồ", "phố Hồ", "Chi Hồ" (làng bên bờ Bắc sông Đuống, thuộc huyện Tiên Du),... và các địa điểm có tên Hồ khác, như: Thị trấn Hồ, "ngã tư Hồ", "bến Hồ", "chợ Hồ"... Như vậy, địa danh "Hồ" không là sở hữu riêng của một thôn/làng nào trong khu vực này, dù là "Nôm" hay "tự". Điều này khiến chúng ta có thể phỏng đoán, xưa kia, "Hồ" chính là một địa bàn gốc, rồi từ đó phát triển và phân tách ra thành những cụm làng, thôn, khu phố... thuộc thị trấn Hồ và xã Song Hồ của huyện Thuận Thành ngày nay, thậm chí có thể rộng hơn nữa...

Tìm hiểu về vùng Hồ xưa là một vấn đề lớn, vượt khỏi khuôn khổ của một bài báo khoa học. Do đó, những trình bày của chúng tôi sau đây chỉ là đôi nét phác họa về đất Hồ xưa, để từ đó, góp phần lý giải sự xuất hiện của dòng tranh dân gian Đông Hồ và những giá trị tiêu biểu của dòng tranh này.

Trước hết, vùng Hồ là địa bàn ở vào một vị trí hết sức quan trọng, có nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa. Đây là nơi gặp gỡ, giao thoa của các luồng văn hóa lớn: văn hóa miền cao, núi đồi với miền ven biển (theo trục

* Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

Bắc - Nam), văn hóa lưu vực sông Hồng với văn hóa lưu vực sông Thái Bình (theo trục Đông - Tây). Vừa nhờ thiên nhiên, vừa do nhân tạo, cùng với sự phát triển của lịch sử đất nước, một hệ thống giao thông thủy- bộ quan trọng đã hình thành và gặp gỡ nhau tại vùng đất này.

Đường thủy: có sông Dâu (thời cổ) và sông Đuống (hiện nay).

Đường bộ: có đường 282 (nối vùng Lục Đầu giang với Thăng Long - Hà Nội), đường chính sứ (nối vùng Hồ với miền châu thổ Bắc Bộ; con đường này từ phía Bắc đi xuống, qua Đại Đồng Thành, xuống Dâu (Luy Lâu), rồi đi tiếp xuống miền Hưng Yên). Lại có đường 238 chạy qua giữa vùng Hồ - nối hai vùng Nam - Bắc Bắc Ninh và phần nào đó, là Bắc Bộ. Đường 238 và đường đê sông Đuống gặp gỡ nhau, làm thành ngã tư Hồ, mở vùng Hồ ra bốn hướng giao lưu, hội tụ...

Ở vào vị trí thuận lợi ấy, từ những thế kỷ trước Công nguyên, vùng Hồ đã là nơi tụ cư của cư dân Việt cổ, trong quá trình khai phá miền châu thổ. Kết quả điều tra khảo cổ học tại vùng đất này trong thời gian qua đã phát hiện một di chỉ - địa điểm cư trú lớn - ngay tại khu vực bến Hồ ngày nay. Hàng loạt đồ gốm, gạch ngói, tiền đồng, xương thú,... có niên đại cách ngày nay hơn 2000 năm, nằm sâu trong lòng đất, bên vách sông Đuống, suốt dọc hai bên bến Hồ, cùng với những di vật của nhiều thế kỷ sau (của cả thời Bắc thuộc và các triều đại Lý - Trần - Lê) chồng tiếp lên lớp di vật đầu tiên ấy, cho ta một niềm tin về sự tồn tại dài lâu, liên tục của cư dân vùng Hồ tại khu vực bến sông này.

Như vậy, chúng ta có thể tạm xác định địa bàn gốc của vùng Hồ xưa chính là khu vực bến Hồ (từ khi có cầu Hồ, bến (đò) Hồ không còn hoạt động nữa, nhưng địa danh bến Hồ thì vẫn còn). Đó là một điểm tụ cư lớn, xuất hiện ít nhất cũng cách đây hơn 2000 năm. Cho tới gần đây, do việc khai mở sông Đuống, nên toàn bộ cụm cư dân này đã dịch chuyển lùi vào phía trong đê, dựng lên hệ thống xóm làng của thị trấn Hồ và xã Song Hồ hiện nay, nhưng bia ký ghi về đất Hồ xưa, vẫn còn nằm rải rác trên bến sông này.

Ở vào vị trí hết sức thuận lợi đó (có sông, đường, chợ, bến) - tức có đủ các yếu tố/điều kiện phát triển kinh tế truyền thống là "cận thị, cận giang, cận lộ", nên đất Hồ đã sớm phát triển kinh tế nông nghiệp, thương nghiệp, đặc biệt là thủ công nghiệp ở đây rất phát triển. Trong hoạt động thủ công nghiệp,

nét đặc sắc của vùng Hồ là sự hình thành và phát triển một cụm tương đối hoàn chỉnh các nghề về hàng/vàng/đồ mã - gồm đồ thờ cúng, đồ chơi trẻ em và đỉnh cao là nghề sản xuất tranh dân gian Đông Hồ. Có thể nói, đây là một trung tâm sản xuất, buôn bán lớn, nơi cho ra đời hàng loạt sản phẩm thủ công truyền thống độc đáo.

Để lý giải về sự ra đời của một trung tâm nghề thủ công đặc biệt này, cần quan tâm đến yếu tố nền tảng và nhu cầu đáp ứng của một nền kinh tế vùng Hồ sớm phồn vinh, đô hội, của trung tâm Phật giáo Dâu, của trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa Luy Lâu, thủ phủ của chính quyền đô hộ phương Bắc trong nhiều thế kỷ đầu Công nguyên... Song, đây là vấn đề lớn mà những thông tin vừa đề cập có thể góp thêm những gợi ý.

3. Chúng tôi muốn được góp thêm mấy suy nghĩ/hiểu biết về dòng tranh dân gian Đông Hồ nổi danh xưa và nay.

3.1. Về thời điểm ra đời của dòng tranh này, đến nay vẫn là vấn đề chưa thống nhất.

Theo lời dân truyền, xưa kia ở bãi Mả Mực (bãi sông thuộc đất Đông Hồ) có dựng một bia lớn, niên hiệu Cảnh Hưng, ghi chép về nghề tranh. Cũng theo dân truyền, bãi Mả Mực là nơi dân làng đốt lá tre lấy tro để làm màu đen dùng cho việc in tranh. Tiếc rằng, dấu xưa không còn, mà (theo dân làng), tấm bia kia cũng đã bị sa bồi/vùi lấp, ở độ sâu tới vài mét?

Trở lại chính những bức tranh và các sản phẩm khác của nghề tranh Đông Hồ, chúng ta được biết, rất có thể khởi đầu Đông Hồ sản xuất tranh tôn giáo - phục vụ các sinh hoạt thờ cúng tổ tiên, thờ Phật và các sinh hoạt tín ngưỡng khác. Người Đông Hồ vẽ tranh "ông Bùa" - thực chất là tranh thờ thần "Độc Cước" - cũng chính là một trong những hiện thân của đức Phật. Thời Lý, việc vẽ tranh Phật khá phát triển. Sử cũ cho biết, chỉ riêng năm 1040, loại tranh này đã được vẽ tới 2000 bức. Từ vấn đề này, chúng ta có thể đặt giả thiết, phải chăng, đây là những bức tranh của làng Đông Hồ?

Về kỹ thuật sản xuất, tranh Đông Hồ cơ bản được sản xuất theo phương pháp khắc ván, rồi in ấn. Mỗi bức tranh có bao nhiêu màu thì có bấy nhiêu ván (khắc) để in màu (mỗi ván khắc chỉ để dùng in 01 màu) và một ván in nét đen. Phương pháp này rất gần gũi với việc in kinh Phật thuở xưa. Mặt khác, Đông Hồ thuộc vùng Dâu, trung tâm Phật giáo đầu tiên của nước ta. Tại đây, từ những thế kỷ đầu Công nguyên, việc khắc ván in kinh đã



Đám cưới chuột - Tranh Đông Hồ - Ảnh: Trương Quốc Bình

phát triển. Rất có thể có liên hệ giữa việc khắc ván in kinh với sự ra đời nghề sản xuất tranh Đông Hồ?

Sinh thời, nhà nghiên cứu mỹ thuật cổ Chu Quang Trứ đã có những nhận xét rất tinh tế, rằng các hình trang trí trên đồ gốm men ngọc và gốm men da lươn thời Lý - Trần chủ yếu được in nổi, hoặc chìm, thì ở gốm hoa nâu, hình trang trí được vẽ bằng tay, rất gần với phong cách tranh làng Hồ. Cũng theo ông, ở các trống đồng, thạp đồng, những mảng chạm khắc về mọi hoạt động xã hội thời Hùng Vương được khắc họa lại. Biến chuyển hình khối có không gian ba chiều trong thực tiễn tồn tại thành hình phẳng trên mặt bằng. Khắc nó trên chất liệu rắn, chắc hẳn, người xưa biết diễn tả vật bằng một nét vẽ. Những hình ấy sẽ biến chuyển dần thành tranh dân gian... Liệu có chút mớic xích ở hai loại hình nghệ thuật này không?

Còn một điều khác mà lâu nay các nhà nghiên cứu ít quan tâm, đó là, việc tìm thời điểm ra đời tranh Đông Hồ thông qua việc tìm hiểu các nghề khác trong vùng, tạm gọi là các nghề sản xuất "văn hóa phẩm". Có rất nhiều nghề: làm đồ mã, làm đồ chơi trẻ em (bằng giấy, đất, có kết hợp vẽ), nhuộm giấy mẫu,... Làm đồ (hàng/vàng) mã và việc sử dụng đồ mã trong dân gian chính là bước chuyển tiếp sau thời kỳ (người xưa) sử dụng (đồ) minh khí bằng các chất liệu như đồ thật (bằng đất nung, đồng, đá, thậm

chí bằng vàng) phục vụ cho việc mai táng theo người chết. Hoạt động/hiện tượng này không thể xuất hiện muộn màng trong dòng chảy văn hóa nước nhà.

Tất cả những dẫn liệu trên như những gợi ý trực tiếp hoặc gián tiếp, cho phép chúng ta đưa ra một nhận xét mang tính giả thiết để làm việc là: có lẽ, nghề sản xuất tranh dân gian Đông Hồ, cùng các nghề làm "văn hóa phẩm" khác trong vùng, muộn nhất thì cũng xuất hiện từ thời Lý - Trần. Đến thời Lê, nghề này đã phát triển mạnh mẽ, cho ra đời hàng loạt sản phẩm để đáp ứng nhu cầu tinh thần, tôn giáo - tín ngưỡng của nhân dân gần, xa. Vì vậy, có thể nói, lịch sử của tranh dân gian Đông Hồ nằm trong lịch sử lâu đời của tranh dân gian Việt Nam; nói tới giá trị của tranh dân gian Việt Nam không thể không khẳng định và tôn vinh giá trị tranh dân gian Đông Hồ.

3.2. Tranh Đông Hồ thường được chia thành mấy loại sau:

- Tranh thờ: vẽ các hình tượng, vật dụng phục vụ việc thờ cúng trong gia đình và các nơi sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng.

- Tranh chúc tụng: thể hiện những ước mơ ngàn đời của nhân dân lao động (cơm no, áo ấm; làm ăn thịnh vượng...).

- Tranh lịch sử: nội dung ca ngợi các tấm gương anh hùng dân tộc.

- Tranh truyện: thể hiện các tích truyện ca ngợi chính nghĩa, đạo đức tốt đẹp,... nhằm mục đích phục vụ giáo dục đạo đức, nhân cách...

- Tranh phương ngôn: vẽ người, vẽ vật nhưng ý đồ chính là thể hiện các triết lý sống đã được dân gian tổng kết.

- Tranh cảnh vật: thể hiện và ca ngợi quê hương đất nước, thiên nhiên.

- Tranh sinh hoạt: phản ánh công việc đồng áng, các trò vui, hội hè, nhiều khi là những bức tranh tả thực cảnh sinh hoạt nhưng là để châm biếm, phê phán các thói xấu, hủ tục.

Tất cả các loại tranh trên đều được chế tác theo một quy trình giống nhau. Người Đông Hồ tự sản xuất lấy màu vẽ dựa trên cơ sở kinh nghiệm truyền đời của dân làng. Đó là một bảng chất liệu màu độc nhất vô nhị trong nền hội họa của nhân loại: Màu trắng óng ánh của điệp, màu vàng của hoa hòe, màu đỏ vang của gỗ vang, màu đen của than lá tre, màu xanh của rỉ đồng, màu chàm của cây rừng, màu son của sỏi đá trung du... Nghệ nhân làng Đông Hồ lại tự khắc ván in tranh. Với một bộ ve đục nhỏ xinh, các nghệ nhân khắc bản in nét (đen) trên gỗ mít, gỗ thị; khắc bản in màu trên gỗ dổi, gỗ vàng tâm. Mỗi ván khắc là một màu trên bức tranh; các ván đều được đánh dấu cẩn thận để khi in không bị lệch màu.

Tranh Đông Hồ được in theo lối úp ván (như đóng dấu). Khi giấy đã ấn dính chặt vào ván in, người ta mới lật ngửa ván rồi dùng xơ mướp xoa đều cho thấm màu. Lần lượt in xong các màu của một bức tranh, bấy giờ mới in bản nét đen,... và bức tranh hoàn tất.

Một trong những nét đặc sắc, nổi bật của tranh Đông Hồ chính là việc sử dụng màu sắc: tất cả đều là màu của cây cỏ, sỏi đá quê hương; từng bức tranh đều được nghệ nhân sáng tạo từ các mảng màu xếp liền nhau; sự sắp xếp các mảng màu trong bố cục với sắc độ và sự đậm nhạt của những mảng màu nhiều khi khiến chúng ta có cảm giác như trái với nguyên tắc thông thường của nghệ thuật hội họa,... nhưng tất cả lại thật sự hòa quyện, ăn nhập tuyệt đối. Không có sự vờn tĩa của kỹ thuật dùng bút như dòng tranh dân gian Hàng Trống, mọi quy luật về xa gần, giải phẫu tạo hình gần như đã bị phá vỡ để tạo nên vẻ đẹp bất ngờ với lối diễn tả không gian ước lệ rất riêng... Có lẽ, đó là trường hợp khó tái gặp trong lịch sử mỹ thuật.

Về nội dung, tranh Đông Hồ phản ánh sâu sắc, toàn diện các "khu vực" đời sống tinh thần - vật chất

của con người - xã hội, theo quan điểm mỹ học dân gian độc đáo. Đó là những bức tranh khắc họa tài tình ước mơ ngàn đời của người dân lao động về một cuộc sống gia đình no ấm, thuận hòa, hạnh phúc, một xã hội công bằng, tốt đẹp, những trò chơi dân gian lành mạnh nhưng không kém vui nhộn (đánh vật, múa sư tử, rước rồng,...); những bức tranh thờ được coi là tranh chữ - nhà nhà treo trang nghiêm nơi thờ cúng tổ tiên; những bức tranh rờ hình ảnh các anh hùng dân tộc (Trung Trắc, Trung Nhi, Triệu Ẩu, Trần Hưng Đạo,...) góp phần đưa mọi người trở lại những trang sử hào hùng của dân tộc, từ đó khơi dậy lòng yêu nước, thương nòi cho các thế hệ. Cũng không ít bức tranh phê phán trực diện vào các thói hư, tật xấu, các điều ngang trái bất công trong xã hội (đánh ghen, lão oa giàng độc, tiền sĩ chuột vinh quy,...).

Với những nội dung phong phú, đa dạng, phù hợp tâm tư, nguyện vọng, tư tưởng và tình cảm của nhân dân lao động, tranh Đông Hồ đã hòa trong máu, thấm trong thịt, bám trong tâm khảm biết bao thế hệ của dân tộc. Do đó, tranh Đông Hồ không chỉ là di sản vô cùng quý báu trong kho tàng nghệ thuật dân tộc, mà còn có vị trí quan trọng trong lịch sử mỹ thuật thế giới./.

T.D.T

Tài liệu tham khảo:

- 1- Nguyễn Đăng Chế (1996), "Làng tranh Đông Hồ", *Văn hóa Nghệ thuật*, số 1, tr. 54.
- 2- Du Chi, Nguyễn Bá Vân (1978), "Làng Đông Hồ với nghề làm tranh dân gian", in trong *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, tập II, tr. 276.
- 3- Đỗ Đức (2000), "Tranh Đông Hồ", *Mỹ thuật thời nay*, số 25, tr. 33.
- 4- Đặng Đức (1990), *Tranh dân gian Việt Nam*, Việt Nam khoa học xã hội, số 4, tr. 46 - 49.
- 5- Nguyễn Đức Nùng (1976), "Xem lại tranh dân gian", *Văn hóa Nghệ thuật*, số 7, tr. 53.
- 6- Nguyễn Hữu Toàn (1995), "Tranh Đông Hồ và đình Tranh", *Văn hóa Nghệ thuật*, số 7, tr. 43 - 45.
- 7- Nguyễn Trần (1980), "Tranh khắc dân gian Việt Nam", *Văn hóa Nghệ thuật*, số 19, tr. 22.
- 8- Chu Quang Trứ, "Tìm hiểu lại một số vấn đề cơ bản của tranh dân gian Việt Nam", *Tư liệu Viện Mỹ thuật*.
- 9- Chu Quang Trứ (1996), "Nghệ nhân Đông Hồ Nguyễn Đăng Chế với việc phục hồi làng tranh Đông Hồ", *Mỹ thuật thời nay*, Hà Nội, số 9, tr. 13.
- 10- Nguyễn Bá Vân (1977), "Cách làm tranh khắc gỗ dân gian Việt Nam", *Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật*, số 1, tr. 235.
- 11- Nguyễn Bá Vân (1995), "Tranh dân gian với đời sống tín ngưỡng của người Việt", *Văn hóa Nghệ thuật*, số 2, tr. 50 - 51.

(Ngày nhận bài: 08/4/2015; Ngày phản biện đánh giá: 14/4/2015; Ngày duyệt đăng bài: 04/5/2015).